

Bản án số: 276/2025/HC-PT

Ngày 18-3-2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại khi
nhà nước thu hồi đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Ông Lê Văn An.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 29/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 391/2024/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 593/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Thái Văn D, sinh năm 1967. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: A Ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Võ Quang H, sinh năm 1990. (*Có mặt*)

- Bà Tô Thị Minh T, sinh năm 1997. (*Có mặt*)

Địa chỉ: 2 Đường D, Khu phố H, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Khánh T1 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 2 đường D, Khu phố H, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Cao C – Phó Chủ tịch. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: C T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Minh T2 – Phòng T5. (Có mặt)

- Ông Trần Ngọc V – Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng. (Có mặt)

- Ông Võ Xuân T3 – Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng. (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng T4. (Vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Thái Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Khi thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 9823/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 thu hồi đất của ông Thái Văn D, ông chấp hành giao đất để thực hiện dự án. Tuy nhiên quyết định thu hồi đất số 9823/QĐ-UBND xác định không đúng diện tích đất bị thu hồi, cụ thể đất của ông bị thu hồi có diện tích 301,4m² nhưng Quyết định số 9823/QĐ-UBND xác định diện tích đất thu hồi 286,4m². Đến ngày 16 tháng 10 năm 2023, UBND huyện B ban hành Quyết định số 9959/QĐ-UBND phê duyệt Phương án số 2327/PABT-HĐBT ngày 16 tháng 10 năm 2023 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Thái Văn D của Hội Đồng Bồi thường Dự án. Phương án xác định diện tích đất thu hồi 286,4m², thuộc diện giải tỏa trắng, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 54.391.040 đồng, không đủ điều kiện cấp tái định cư.

Ông cho rằng Quyết định số 9959/QĐ-UBND phê duyệt Phương án số 2327/PABT-HĐBT ngày 16 tháng 10 năm 2023 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của UBND huyện B không đúng pháp luật vì các lý do:

Ông có đủ các tài liệu thể hiện quá trình sử dụng đất ổn định từ năm 2004. Theo Điều 21, Khoản 1,3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013, căn cứ các quy định của Pháp luật đất đai hiện hành thì trường hợp của ông đủ điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đồng thời đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Các tài liệu gồm: Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, đơn xin cấp đất để làm nhà ở ngày 09/02/2002, Hội đồng quản lý đất UBND xã P họp xét cấp đất thổ cư cho CBCNV trong và ngoài xã ngày 29 tháng 7 năm 2002, Công văn số 302/CV-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã P gửi Thường trực UBND huyện, Phòng Quản lý trật tự đô thị huyện B về việc đề nghị cấp đất cho Cán bộ công nhân viên xã Phạm Văn H1 có hoàn cảnh khó khăn để ở, Công văn số 10/UB ngày 02/01/2003 của Ủy ban nhân

dân huyện B về việc đề nghị cấp đất cho cán bộ công nhân viên xã P có hoàn cảnh khó khăn. Ủy ban nhân dân xã P họp ngày 12/4/2004 xét một số đơn còn lại của Cán B - Công Nhân Viên xã, Hội đồng quản lý đất Ủy ban nhân dân xã P họp ngày 12/5/2004 để xác định vị trí đất của CB CNV được hội đồng xét duyệt cấp, đơn xin giao đất làm nhà ở được UBND xã P xác nhận ngày 08/9/2005, Công văn số 357/UB ngày 06/9/2005 của Ủy ban nhân dân xã P gửi Ủy ban nhân dân huyện B về việc đề nghị cấp đất cho CB CNV xã Phạm Văn H1 thực sự khó khăn về nhà ở (có danh sách đính kèm), Công văn 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân Thành Phố H về phê duyệt Phương án xử lý tổng thể nhà, đất của Ủy ban nhân dân Huyện B theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/01/2007 đính kèm danh sách phụ lục vị trí nhà đất của ông (nằm số thứ tự 25, biểu 2A - PL 7), Công văn số 72/TNMT ngày 20/6/2011 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T5 gửi Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H về việc Tham vấn một số vấn đề bất cập trong quá trình giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã P, Bản phô tô các Biên lai nộp thuế sử dụng đất từ năm 2012 đến năm 2022 đều xác định diện tích chịu thuế 301,4m², Công văn số 1232/UBND ngày 24/10/2013, Ủy ban nhân dân xã P ban hành về việc đề xuất loại khỏi đất công do nhà nước trực tiếp quản lý và được đề xuất cấp giấy chứng nhận theo quy định trong đó có trường hợp của ông. Ủy ban nhân dân xã P tổ chức cuộc họp ngày 01/8/2016 thông qua danh sách 181 trường hợp theo Công văn 480/ TNMT-VPĐK ngày 21/01/2013 và danh sách 71 trường hợp theo Công văn số 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND thành phố thống nhất thông qua danh sách 252 trường hợp đề xuất loại khỏi danh sách đất công và đề xuất cấp giấy chứng nhận cho các trường hợp trên, trong đó có trường hợp của ông, Kết luận số 2637/KL-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về quá trình kê khai đăng ký, quản lý sử dụng đất do Nhà nước trực tiếp quản lý tại xã P, báo cáo 2300/BC-UBND ngày 25/4/2023 của UBND xã P về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, quá trình kê khai đăng ký đối với các trường hợp thuộc danh sách đất công bị ảnh hưởng trong dự án đường V, trên địa bàn xã P trong đó có trường hợp nhà đất của ông.

Hội Đồng Bồi thường Dự án xác định ông có hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp là sai lệch với hồ sơ, tài liệu có tại Ủy ban nhân dân xã P. Theo sổ mục kê của ruộng đất xã Phạm Văn H1 được UBND huyện B phê duyệt ngày 30/12/1985 là loại đất thổ tập trung và được quy hoạch khu dân cư hiện hữu cải tạo, theo quyết định số 3929/QĐ-UBND ngày 07/07/2009 của UBND huyện B phê duyệt bản đồ quy hoạch dân cư hiện hữu dọc tuyến Tỉnh lộ 10, khu đất thuộc chức năng quy hoạch dân cư hiện hữu cải tạo, Quy hoạch xây dựng được duyệt kèm theo Quyết định số 6013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2012 đều xác định chức năng quy hoạch là đất ở đô thị hiện hữu,

Theo Điều 23 Luật Đất đai quy định đất giao không đúng thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân là Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ; tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng nhưng đã tự phân phối, bố trí cho cán bộ, công nhân viên, xã viên để sử dụng làm nhà ở và các mục đích khác. Trường hợp đất

được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này. Như vậy, trong trường hợp đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất đối với diện tích đất được giao theo đúng mức thu quy định của pháp luật đất đai năm 1993 thì được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao. Căn cứ Điều 11 Nghị định 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP): “Điều 11. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất đối với diện tích đất được giao mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người đang sử dụng đất được bồi thường”. Công văn số 3200/UBND-TM là văn bản hành chính chỉ đạo UBND huyện B thực hiện theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 19/1/2007. Điều 5 của Quyết định 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 19/1/2007 đã hướng dẫn: “Đối với cơ sở nhà, đất khi nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của Luật Đất đai thì việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành”. Công văn số 3200/UBND-TM có đính kèm vị trí một lần nữa chứng minh nhà đất của ông đã được cấp năm Phụ lục số thứ tự 25, biểu 2A - PL. 7 và nêu rõ UBND xã cấp cho các hộ dân và cán bộ công nhân viên xã cụ thể: T (250m²).

Như vậy vị trí đất địa chỉ B tổ I ấp B xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh của ông được bồi thường về đất đối với diện tích 301,4m² và loại đất được giao là đất ở.

Ông khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị tuyên hủy Quyết định số 9959/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt phương án số 2327/PABT-HĐBT ngày 16/10/2023 về bồi thường hỗ trợ; Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường đúng theo diện tích đất ở đô thị 301,4 m² tại địa chỉ: 2 tổ I, ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện UBND huyện B trình bày như sau:

Theo Bản đồ Hiện trạng vị trí số 34/HĐĐĐ-BBT do Công ty TNHH T6 lập ngày 30 tháng 12 năm 2022, được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận ngày 17 tháng 2 năm 2023, diện tích ông Thái Văn D sử dụng ảnh hưởng của Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Dự án) là 286,4m², gồm một phần thửa 1, tờ bản đồ số 118, BĐĐC; tương ứng một phần thửa số 77, tờ bản đồ số 7, tài liệu 299/TTg.

Để thực hiện Dự án, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9823/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 thu hồi đất do ông Thái Văn D; diện tích đất thu hồi 286,4m², gồm một phần thửa 01, tờ bản đồ số 118, BĐĐC

tương ứng một phần thửa số 77, tờ bản đồ số 7, tài liệu 299/TTg, phần đất này nằm trong danh sách đất nhà nước quản lý, thuộc biểu 2A-phụ lục 7-22 theo Công văn số 3200/UBND-TM ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9959/QĐ- UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án (kèm Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư s 2327/PABT-HĐBT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng Bồi thường).

Theo Giấy xác nhận số 1375/GXN-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã P thì nguồn gốc đất của ông D do Hội đồng xét duyệt cấp đất xã Phạm Văn H1 họp xét cấp do ông D thuộc diện Cán bộ Công nhân viên thực sự khó khăn về nhà ở, thời điểm xét cấp từ năm 2004, việc xét cấp đất đến thời điểm thu hồi chưa thực hiện xong, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông D sử dụng đất từ năm 2004 cho đến nay, nhà do ông D xây dựng không phép, thời điểm xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2006, diện tích 45m²; cấu trúc mái che, cột sắt, mái tôn, nền ceramic, sân trải đá, diện tích 56m².

Căn cứ Khoản 1, Điều 4 Luật Đất đai năm 2003 quy định: “Nhà nước giao đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất bằng quyết định hành chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng đất”. Căn cứ Khoản 2, Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 quy định: “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân; giao đất đối với cộng đồng dân cư”. Căn cứ Khoản 7 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước giao quyền sử dụng (sau đây gọi là Nhà nước giao đất) là việc Nhà nước ban hành quyết định giao đất để trao quyền sử dụng đất cho đối tượng có nhu cầu sử dụng đất”. Căn cứ Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: “2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: a. Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân...”.

Như vậy Luật đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 có quy định việc giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và hình thức giao đất được thực hiện bằng quyết định giao đất. Qua rà soát, trường hợp ông Thái Văn D được Hội đồng xét cấp đất của Ủy ban nhân dân xã P tổ chức họp xét cấp đất (được ghi nhận lại bằng Biên bản, không phải bằng quyết định giao đất) và có văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân Huyện giao đất theo thẩm quyền. Ủy ban nhân dân xã P không ban hành quyết định giao đất nên không thuộc trường hợp giao đất sai thẩm quyền nên không thể áp dụng các quy định về cấp Giấy chứng nhận, hỗ trợ khi bị ảnh hưởng trọng Dự án như trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền. Căn cứ nguồn gốc quá trình sử dụng đất và cơ sở pháp lý nêu trên, trường hợp của ông Thái Văn D sử dụng đất có nguồn gốc là đất do nhà nước trực tiếp quản lý. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, sử dụng đất tại địa phương, ông Thái Văn D đã sử dụng đất do Nhà nước trực tiếp quản lý mà chưa có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định; phần diện

tích đất nêu trên đã được kê khai, quản lý theo danh mục đất do Nhà nước trực tiếp quản lý. Do đó, không đủ điều kiện để bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai và sẽ được xem xét về nguồn gốc, quá trình, thời điểm sử dụng để xem xét hỗ trợ theo Điều 11 Quyết định 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố. Qua rà soát, Ủy ban nhân dân huyện B nhận thấy trường hợp của ông Thái Văn D không đủ điều kiện áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 11 Quyết định 28/2018/QĐ-UBND bởi vì theo tài liệu Bản đồ địa chính do Ủy ban nhân dân xã P đăng ký và thuộc danh sách Biểu 2A – Phụ lục 7 kèm theo Công văn số 3200/UBND-TM ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố nên không có cơ sở để xác định là đất không có nguồn gốc do hộ gia đình khai hoang sử dụng nên không thể xác định là đất được sử dụng ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; có vi phạm pháp luật nhưng đến nay chưa bị xử lý. Nhận thấy, trường hợp của ông Thái Văn D là sử dụng đất (có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý) khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép bằng hình thức giao đất hoặc cho thuê đất và có nhà xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2006, do đó chỉ thỏa điều kiện để hỗ trợ về đất theo Điểm c Khoản 2 Điều 11 Quyết định 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Từ cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố bác các yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn D; công nhận nội dung Quyết định số 9959/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện B; Phương án số 2327/PA-HĐBT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng bồi thường Dự án thành phần 2; Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T4 trình bày:
Bà là vợ ông Thái Văn D, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 391/2024/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điểm b Khoản 1 Điều 143, Điều 144, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng An phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Thái Văn D về tuyên hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 9959/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 về phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Thái Văn D để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương án số 2327/PABT-HĐBT ngày 16/10/2023 của Hội đồng Bồi thường Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2024, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của ông Thái Văn D trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trong đơn, đồng thời cung cấp tờ tường trình và cam kết của ông Tô Hồng V1, Lê Hoàng K về việc các ông là người trong Hội đồng xét duyệt cấp đất của xã Phạm Văn H1 vào năm 2004 có tham gia xét cấp đất cho cán bộ công nhân viên có khó khăn về nhà ở trên địa bàn xã, thời điểm 2004 ông D đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã chính thức bàn giao đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận huyện B không đồng ý với kháng cáo của ông D, cho rằng quá trình xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, trong đó quy định việc giao đất phải thể hiện bằng quyết định giao đất và cơ quan có thẩm quyền giao đất phải là UBND huyện. Trường hợp của ông D lại là UBND xã đưa vào danh sách đề nghị cấp giấy chứng nhận và trực tiếp giao đất qua hình thức bốc thăm là không đúng quy định. Do vậy, không đủ điều kiện để được cấp đất và cấp GCNQSD đất vì không phù hợp với quy hoạch. Tuy có sử dụng đất trong thực tế nhưng do được giao đất không có căn cứ pháp luật nên không được bồi thường theo quy định khi Nhà nước thu hồi đất. Ngoài ra, theo Thông tư số 208 năm 1997 thì đây là trường hợp sử dụng đất lấn chiếm do “không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép” nên ông chỉ được hỗ trợ chứ không được bồi thường. Quá trình thu hồi đất, cơ quan chức năng đã tiến hành các thủ tục và ban hành phương án bồi thường đúng quy định; án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền ông Thái Văn D tranh luận: ông D đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất theo quy định của Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 vì đã sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01/7/2004, theo tài liệu thể hiện ông D được UBND xã P giao đất vào ngày 12/5/2004; quá trình nhận đất đến thời điểm thu hồi đất ông không có vi phạm pháp luật về đất đai và trước khi bị thu hồi thì UBND xã xác nhận đất không có tranh chấp. Phương án bồi thường được UBND huyện B phê duyệt đã được xây dựng không đúng quy định pháp luật do xác định sai vị trí đất, loại đất, đơn giá đất và căn cứ pháp lý để bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông D so với Giấy xác nhận số 1357/GXN-UBND ngày 17/02/2023 của UBND xã P. Việc chỉ hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 2, khu vực II dẫn đến xác định đơn giá đất 192.000đ/m² theo điểm c, khoản 2 phần II, chương III của Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 16/10/2023 do Hội đồng bồi thường dự án thành phần 2 ban hành trong khi UBND xã xác nhận ông D được bồi thường, hỗ trợ bằng đất hoặc nhà ở tái định cư theo các tiêu chí tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP là có sự mâu thuẫn, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông D. Do Phương án 2327/PABT-HĐBT có nội dung chưa phù hợp với giấy xác nhận của xã nên việc UBND huyện B ban hành

quyết định số 9959/QĐ-UBND phê duyệt phương án 2327 là trái quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đối với việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T4 tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T4 theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Ông Thái Văn D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9959/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án số 2327/PABT-HĐBT ngày 16/10/2023 của Hội đồng bồi thường Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời yêu cầu bồi thường đúng theo diện tích đất ở đô thị 301,4m² tại địa chỉ B tổ I, ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 11, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 1, Điều 4, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP), vị trí thửa đất thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 118, tương ứng một phần thửa số 77, tờ bản đồ số 07 theo tài liệu 299/TTg của Bộ địa chính xã P.

Xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính bị khiếu kiện:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 9959/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện B được ban hành đúng thẩm quyền

theo quy định của khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Trên cơ sở Quyết định thu hồi đất số 9823/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện B và căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí số 34/HĐĐĐ-BBT do Công ty TNHH T6 lập ngày 30 tháng 12 năm 2022, được UBND xã P xác nhận ngày 17 tháng 02 năm 2023 cùng Bản vẽ điều tra hiện trạng nhà, Biên bản kiểm kê tài sản trên đất, Hội đồng Bồi thường Dự án đã lập Phương án bồi thường số 2327/PA-HĐBT ngày 16 tháng 10 năm 2023 và được phê duyệt bởi Quyết định số 9959/QĐ-UBND cùng ngày 16 tháng 10 năm 2023 bởi UBND huyện B là đúng trình tự, thủ tục.

- Về nội dung:

UBND huyện B xác định trường hợp thu hồi đất của ông Thái Văn D chỉ được hỗ trợ về đất, không được bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất do đất không được cấp GCNQSD, nhà xây dựng không phép trên đất nông nghiệp, không được hỗ trợ tái định cư....

Xét, theo Giấy xác nhận pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập và sửa chữa nhà, vật kiến trúc số 1375/GXN-UBND ngày 17/02/2023 của UBND xã P thể hiện:

Về đất, chưa được cấp GCNQSD đất và nguồn gốc đất ông D sử dụng do Hội đồng xét duyệt cấp đất xã Phạm Văn H1 xét duyệt vào ngày 12/5/2004 cho các Cán bộ, công nhân viên thực sự khó khăn về nhà ở và sử dụng đến thời điểm có quyết định thu hồi đất phục vụ cho Dự án thành phần 2 đường V. Vị trí khu đất nằm trong danh sách địa chỉ nhà đất theo Công văn số 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND Thành phố H chưa được xác lập sở hữu nhà nước, đang xem xét về rà soát lại pháp lý, nguồn gốc đất đề xuất loại khỏi danh sách theo Công văn số 3200 nêu trên.

Về nhà, được xây dựng sau ngày 01/7/2006 có nguồn gốc xây dựng không phép, theo bản vẽ điều tra hiện trạng do Công ty TNHH T6 lập ngày 30/12/2022 – được ông D xác nhận có diện tích 45m², nền bê tông, cột sắt, vách tole, mái tole; phần mái che diện tích 8,5m² nền ceramic, cột sắt, mái tole; sân trải đá diện tích 56m².

Theo Báo cáo số 251/BC-UB ngày 27/11/2001 của UBND xã P về danh sách điều tra đất công trên địa bàn xã có thống kê địa chỉ, vị trí khu đất thuộc một phần thửa số 777, Tờ bản đồ số 07 (Tài liệu 299/TTg), diện tích 8.620m² do UBND xã sử dụng, ghi nhận là đất ao.

Theo danh sách kèm theo Báo cáo 251 này, Hội đồng cấp đất UBND xã Phạm Văn H1 đã tổ chức họp xét cấp đất ngày 29/7/2002, trong đó có trường hợp ông Thái Văn D.

Đến ngày 12/5/2004, UBND xã P tổ chức họp xác định vị trí cấp đất cho cán bộ nhân viên đã được Hội đồng xét duyệt theo Biên bản họp xét cấp đất ngày 29/7/2002 và ngày 12/4/2004. Đây là thời điểm UBND xã bàn giao đất cho ông D sử dụng.

UBND xã P đã thực hiện thống kê các trường hợp xét cấp đất nêu trên để đưa vào danh sách đất để phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà đất theo Quyết

định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ (Công văn 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của U).

Như vậy, về đất thì trường hợp của ông D chỉ được Hội đồng xét cấp đất của UBND xã P tổ chức họp xét cấp đất qua Biên bản cuộc họp và kiến nghị UBND huyện giao đất; không phải bằng Quyết định giao đất theo thẩm quyền như quy định của Luật Đất đai năm 2003 và 2013. Đây không xem là giao đất sai thẩm quyền nên không áp dụng các quy định về cấp GCN, hỗ trợ khi bị ảnh hưởng trong dự án như trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền. Trường hợp của ông là sử dụng đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý nhưng quá trình sử dụng đất chưa có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định; phần diện tích đất nêu trên đã được kê khai, quản lý theo danh mục đất do Nhà nước trực tiếp quản lý và vị trí khu đất bị ảnh hưởng trong Dự án Vành đai 3, đã có quyết định thu hồi nên không đủ điều kiện để bồi thường về đất theo quy định của Điều 75 Luật đất đai mà chỉ được xem xét hỗ trợ theo điểm c khoản 2 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của UBND Thành phố H. Đối với phần nhà, do được xây dựng sau ngày 01/7/2006 nên không được xem xét.

Do Quyết định số 9959/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của UBND huyện B và Phương án số 2327/PABT-HĐBT ngày 16/10/2023 của Hội đồng bồi thường được ban hành đúng trình tự thủ tục, về nội dung đã bảo đảm đúng với chứng cứ đã thu thập nên được xem là hợp pháp và có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là phù hợp.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Ông Thái Văn D kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Xét quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định về tố tụng. Về nội dung đã giải quyết đúng với tài liệu, chứng cứ đã thu thập, đúng quy định pháp luật. Do các quyết định hành chính bị khởi kiện là hợp pháp và có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của ông D là không có cơ sở. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có cung cấp thêm tờ tường trình và cam kết của ông Tô Hồng V1, Lê Hoàng K về việc UBND xã giao đất cho ông D. Nội dung tường trình tuy phản ánh đúng về thời gian sử dụng đất, về nguồn gốc đất, nhưng việc UBND xã P tự giao đất cho cá nhân không đồng nghĩa với việc ông D được công nhận quyền sử dụng đất chính thức, vì việc giao đất này chưa được sự chấp nhận của UBND huyện theo quy định nên đây không phải căn cứ làm thay đổi bản chất vụ án. Kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở để chấp nhận. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn D.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 391/2024/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ:

Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điểm b Khoản 1 Điều 143, Điều 144, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Thái Văn D về tuyên hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 9959/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 về phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Thái Văn D để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương án số 2327/PABT-HĐBT ngày 16/10/2023 của Hội đồng Bồi thường Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính phúc thẩm ông Thái Văn D phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0041422 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ